

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYỄN
LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyễn liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nguyễn liệu Á Châu AIG**

- Mã chứng khoán: **AIG**
- Địa chỉ: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ/Tel: **028 5416 1386**
- Fax:
- Email:.....
- Website: **www.asiagroup-vn.com**

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không


Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2026 tại đường dẫn: www.asiagroup-vn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

 Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2025
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận năm 2025 so với cùng kỳ



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN
NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO NĂM 2025 SO VỚI CÙNG
KỶ**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORP

ORATION

Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 5416 1386

Website: www.asiagroup-vn.com

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng

Chức danh: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:

- Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 31/03/2026, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) phát hành Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (“Báo cáo”) ký ngày 31/03/2026.

Theo đó, Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 tăng 146,21% so với năm 2024 như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/(Giảm)
60	18. Lợi nhuận sau thuế	501.623.230.134	203.740.960.097	146,21%

Một số nguyên nhân chính:




○ Mã số 21:

- Thu nhập từ cổ tức trong năm 2025 đạt 562 tỷ đồng tăng 116% so với 260 tỷ cổ tức trong năm 2024 do nguồn vốn được phân bổ cho các hoạt động M&A theo kế hoạch của Ban Giám đốc.
- Năm 2025 phát sinh lãi từ chuyển nhượng cổ phần là 14,1 tỷ đồng.

Ảnh hưởng ròng của các khoản mục khác trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh là không đáng kể so với thu nhập từ hoạt động tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

 Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Tùng



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2025
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0012117582/E-68585886

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		215.610.542.624	110.974.415.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	60.810.853.334	25.613.245.018
111	1. Tiền		15.810.853.334	4.469.305.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.000.000.000	21.143.939.172
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		132.982.173.911	61.758.029.676
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	95.412.790.403	15.683.207.387
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	9.769.141.075	821.007.846
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	25.000.000.000	25.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.800.242.433	20.253.814.443
140	III. Hàng tồn kho		-	15.280.302
141	1. Hàng tồn kho		-	15.280.302
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		21.817.515.379	23.587.860.548
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.890.740.437	896.937.938
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.920.134.942	22.684.282.610
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.607.906.201.928	3.428.376.898.639
210	I. Phải thu dài hạn		35.500.000	28.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	35.500.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.413.646.691	2.412.674.470
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.470.664.198	1.986.419.471
222	Nguyên giá		1.946.898.636	3.585.439.545
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(476.234.438)	(1.599.020.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình		942.982.493	426.254.999
228	Nguyên giá		1.128.050.000	505.800.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(185.067.507)	(79.545.001)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	97.996.930.576	104.252.053.804
231	1. Nguyên giá		110.500.000.000	110.500.000.000
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(12.503.069.424)	(6.247.946.196)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		245.900.200	1.403.256.428
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		245.900.200	1.403.256.428
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	10	3.374.088.917.231	3.184.744.578.291
251	1. Đầu tư vào các công ty con		3.318.865.707.785	2.892.100.344.316
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		80.000.000.000	301.802.120.465
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(24.776.790.554)	(9.157.886.490)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		133.125.307.230	135.536.335.646
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	133.125.307.230	135.536.335.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.823.516.744.552	3.539.351.314.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		460.127.471.520	677.585.271.285
310	I. Nợ ngắn hạn		460.127.471.520	677.585.271.285
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	74.079.573.721	2.211.009.216
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.488.717.302	880.641.233
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	20.360.813.773	25.117.517.473
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		6.292.928	7.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		91.779.640	268.809.207
320	6. Vay ngắn hạn	15	350.000.000.000	635.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	14.100.294.156	14.100.294.156
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.363.389.273.032	2.861.766.042.898
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	3.363.389.273.032	2.861.766.042.898
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.483.376.293.032	981.753.062.898
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		981.753.062.898	778.012.102.801
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		501.623.230.134	203.740.960.097
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.823.516.744.552	3.539.351.314.183

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	321.771.242.162	34.899.984.502
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(293.384.380.745)	(24.308.002.841)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.386.861.417	10.591.981.661
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	579.816.841.712	260.622.525.091
22	5. Chi phí tài chính	19	(49.453.738.423)	(28.713.310.162)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.696.424.654)	(24.739.630.144)
25	6. Chi phí bán hàng	20	(1.447.112.008)	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(54.788.866.220)	(38.704.607.860)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		502.513.986.478	203.796.588.730
31	9. Thu nhập khác		497.755	529.635
32	10. Chi phí khác		(888.146.099)	(55.728.268)
40	11. Lỗ khác		(887.648.344)	(55.198.633)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		501.626.338.134	203.741.390.097
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(3.108.000)	(430.000)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		501.623.230.134	203.740.960.097

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		501.626.338.134	203.741.390.097
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		6.862.545.988	6.847.306.368
03	Dự phòng	19	15.618.904.064	3.973.680.018
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(573.907.676.298)	(260.622.525.091)
06	Chi phí lãi vay	19	28.696.424.654	24.739.630.144
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(21.103.463.458)	(21.320.518.464)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(69.876.764.190)	62.697.312.811
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		15.280.302	(15.280.302)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		83.463.378.320	(24.223.752.272)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		417.225.917	(114.119.763.401)
14	Tiền lãi vay đã trả		(44.617.602.739)	(4.010.931.507)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(3.108.000)	(430.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(51.705.053.848)	(100.993.363.135)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(10.038.504.367)	(113.157.124.761)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		905.303.029	-
23	Tiền chi cho vay		(20.000.000.000)	(25.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		20.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(399.080.700.000)	(842.752.120.465)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		203.092.600.000	129.967.680.000
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		577.023.963.502	312.047.965.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		371.902.662.164	(538.893.600.144)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	185.000.000.000	670.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(470.000.000.000)	(35.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(285.000.000.000)	635.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		35.197.608.316	(4.886.963.279)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.613.245.018	30.500.208.297
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	60.810.853.334	25.613.245.018

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 90 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 61).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Bản Yên Hoà, Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")**

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hòa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC (trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam) được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, Đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")**

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")**

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")***

AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 75,43% tỷ lệ sở hữu và 98,00% quyền biểu quyết trong AFS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")***

GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 52,87% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong GCF.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFC")***

VFC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500577748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 05 năm 2014 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VFC có trụ sở chính tại Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VFC là sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 52,5% tỷ lệ sở hữu và 99,29% quyền biểu quyết trong VFC thông qua công ty con.

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm Có Có Việt Nam ("VCC")***

VCC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600714322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 01 năm 2005 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. VCC có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VCC là sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc và sữa đậu nành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 52,61% tỷ lệ sở hữu và 99,5% quyền biểu quyết trong VCC thông qua công ty con.

▶ ***Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SWC")***

SWC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500624846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17 tháng 07 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. SWC có trụ sở chính tại Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của SWC là trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 46,53% tỷ lệ sở hữu và 88,0% quyền biểu quyết trong SWC thông qua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, và 3 công ty liên kết, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty liên kết:

▶ **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 49,00% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49,00% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Thực phẩm Nước giải khát Nhiệt đới Sài Gòn ("STD")**

STD là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 4500654985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07 tháng 04 năm 2022 và các GCNĐKDN điều chỉnh. STD có trụ sở chính tại Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của STD là sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 20% tỷ lệ sở hữu trong STD thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm 40% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 9*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	144.189.626	4.720.000
Tiền gửi ngân hàng	15.666.663.708	4.464.585.846
Các khoản tương đương tiền (*)	45.000.000.000	21.143.939.172
TỔNG CỘNG	<u>60.810.853.334</u>	<u>25.613.245.018</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá một (1) tháng tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và hưởng lãi suất 4,75%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	77.379.809.023	-
<i>Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa</i>	53.897.595.750	-
<i>Công ty TNHH FES (Việt Nam)</i>	23.448.646.606	-
<i>Khác</i>	33.566.667	-
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	18.032.981.380	15.683.207.387
TỔNG CỘNG	<u>95.412.790.403</u>	<u>15.683.207.387</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN
(tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Phan Anh	6.564.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên HKKL	2.257.200.000	-
Khác	947.941.075	821.007.846
TỔNG CỘNG	9.769.141.075	821.007.846

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho các công ty trong Tập đoàn vay để tài trợ vốn lưu động. Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients (Thuyết minh số 22)	25.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2026 đến ngày 25 tháng 3 năm 2026	Tin chấp

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.800.242.433	20.253.814.443
Tạm ứng cho nhân viên	1.428.000.000	5.759.118.762
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	887.602.742	204.724.532
Đặt cọc	484.639.691	567.639.691
Cổ tức	-	12.000.000.000
Khác	-	1.722.331.458
Dài hạn	35.500.000	28.000.000
Đặt cọc	35.500.000	28.000.000
TỔNG CỘNG	2.835.742.433	20.281.814.443
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	1.959.852.020	8.084.040.471
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	875.890.413	12.197.773.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636	3.585.439.545
Mua trong năm	-	-	262.500.000	262.500.000
Thanh lý	-	(1.901.040.909)	-	(1.901.040.909)
Số cuối năm	<u>1.598.035.000</u>	<u>-</u>	<u>348.863.636</u>	<u>1.946.898.636</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(207.333.960)	(1.372.973.992)	(18.712.122)	(1.599.020.074)
Khấu hao trong năm	(207.333.960)	(251.711.898)	(42.854.396)	(501.900.254)
Thanh lý	-	1.624.685.890	-	1.624.685.890
Số cuối năm	<u>(414.667.920)</u>	<u>-</u>	<u>(61.566.518)</u>	<u>(476.234.438)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>1.390.701.040</u>	<u>528.066.917</u>	<u>67.651.514</u>	<u>1.986.419.471</u>
Số cuối năm	<u>1.183.367.080</u>	<u>-</u>	<u>287.297.118</u>	<u>1.470.664.198</u>

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>110.500.000.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(6.247.946.196)
Khấu hao trong năm	(6.255.123.228)
Số cuối năm	<u>(12.503.069.424)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>104.252.053.804</u>
Số cuối năm	<u>97.996.930.576</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con <i>(Thuyết minh số 10.1)</i>	3.318.865.707.785	2.892.100.344.316
Đầu tư vào công ty liên kết <i>(Thuyết minh số 10.2)</i>	<u>80.000.000.000</u>	<u>301.802.120.465</u>
TỔNG CỘNG	3.398.865.707.785	3.193.902.464.781
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn <i>(Thuyết minh số 10.3)</i>	<u>(24.776.790.554)</u>	<u>(9.157.886.490)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>3.374.088.917.231</u>	<u>3.184.744.578.291</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (i)	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	52,87	515.852.120.465	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (ii)	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	509.543.700.000	73,42	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	99,995	450.205.902.488	99,995	450.205.902.488
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bán buôn rau quả	Đang hoạt động	98,00	264.600.000.000	98,00	264.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA (iii)	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	153.813.863.004	99,98	228.931.320.000
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00	37.900.000.000	100,00	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00	37.350.000.000	83,00	37.350.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu (iv)	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	-	-	99,50	199.000.000.000
TỔNG CỘNG				3.318.865.707.785		2.892.100.344.316
				(23.319.525.868)		(9.157.886.490)
				3.295.546.181.917		2.882.942.457.826

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 10.3)

GIÁ TRỊ THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 7.135.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C, tương ứng 8,37% tỷ lệ sở hữu với tổng giá trị là 214.050.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C tăng từ 42,43% lên 52,87%, và chính thức trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối GCF kể từ thời điểm này.
- (ii) Vào ngày 30 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 18.503.070 cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu với tổng giá trị là 185.030.700.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/2025/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2025. Theo đó, giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu tăng từ 324.513.000.000 VND lên 509.543.700.000 VND.
- (iii) Vào ngày 21 tháng 1 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA từ 220.000.000.000 VND xuống 150.000.000.000 VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Theo đó, Công ty đã được hoàn trả một phần vốp góp trị giá 69.982.600.000 VND, tương ứng với 6.998.260 cổ phần đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 22 tháng 1 năm 2025.
- (iv) Vào ngày 31 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 11.900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu, tương ứng 59,5% tỷ lệ sở hữu, với tổng giá trị là 134.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu giảm từ 99,50% xuống 40,00%. Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu trở thành công ty liên kết của Công ty từ thời điểm này.

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND	% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	40,00	80.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	-	-	42,43	301.802.120.465
TỔNG CỘNG				80.000.000.000		301.802.120.465
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 10.3)				(1.457.264.686)		-
GIÁ TRỊ THUẬN				78.542.735.314		301.802.120.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	(17.498.793.182)	(1.390.668.777)
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(4.346.577.220)	(3.995.625.286)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	(1.457.264.686)	(2.634.929.433)
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	(1.474.155.466)	(1.136.662.994)
TỔNG CỘNG	<u>(24.776.790.554)</u>	<u>(9.157.886.490)</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.890.740.437	896.937.938
Phần mềm	1.197.795.011	571.645.419
Công cụ dụng cụ	506.115.899	8.262.299
Phí bảo hiểm	364.539.522	74.277.687
Khác	822.290.005	242.752.533
Dài hạn	133.125.307.230	135.536.335.646
Tiền thuê đất	127.600.946.184	128.450.002.788
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.780.449.399	3.667.520.244
Công cụ dụng cụ	487.832.480	664.171.371
Khác	1.256.079.167	2.754.641.243
TỔNG CỘNG	<u>136.016.047.667</u>	<u>136.433.273.584</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	3.077.092.681	2.206.070.056
Công ty TNHH Noventiq Việt Nam	932.261.040	570.456.000
Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237.494.594	500.386.119
Egon Zehnder International Pte Ltd	-	653.059.542
Khác	1.907.337.047	482.168.395
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	71.002.481.040	4.939.160
TỔNG CỘNG	<u>74.079.573.721</u>	<u>2.211.009.216</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	874.241.233	6.357.615.890	(5.749.539.821)	1.482.317.302
Thuế nhà thầu	-	100.154.185	(100.154.185)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.108.000	(3.108.000)	-
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Khác	-	112.430.660	(112.430.660)	-
TỔNG CỘNG	874.001.233	6.577.308.735	(5.969.232.666)	1.482.077.302
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	880.641.233			1.488.717.302
Thuế nộp thừa	(6.640.000)			(6.640.000)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	15.036.237.316	4.046.509.000
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	4.807.520.552	14.230.945.209
Lãi vay	-	6.497.753.428
Khác	517.055.905	342.309.836
TỔNG CỘNG	20.360.813.773	25.117.517.473

15. VAY NGÁN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay từ các bên liên quan (*)	545.000.000.000	185.000.000.000	(380.000.000.000)	350.000.000.000
Vay từ cá nhân	90.000.000.000	-	(90.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	185.000.000.000	(470.000.000.000)	350.000.000.000

(*) Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động như sau: (Thuyết minh số 22)

Tên công ty	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	350.000.000.000	Ngày 15 tháng 4 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	203.740.960.097	203.740.960.097
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>981.753.062.898</u>	<u>2.861.766.042.898</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	501.623.230.134	501.623.230.134
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>1.483.376.293.032</u>	<u>3.363.389.273.032</u>

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>

16.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	263.546.540.570	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan	35.836.096.636	14.427.430.010
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ tiện ích	22.388.604.956	20.472.554.492
TỔNG CỘNG	<u>321.771.242.162</u>	<u>34.899.984.502</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	<i>58.076.479.368</i>	<i>34.746.529.954</i>
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	<i>263.694.762.794</i>	<i>153.454.548</i>

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	561.650.322.000	259.781.590.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	14.110.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.045.389.573	643.161.119
Lãi cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 22)	1.011.130.139	197.773.972
TỔNG CỘNG	<u>579.816.841.712</u>	<u>260.622.525.091</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	253.593.959.111	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	39.790.421.634	24.308.002.841
TỔNG CỘNG	<u>293.384.380.745</u>	<u>24.308.002.841</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	28.696.424.654	24.739.630.144
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.618.904.064	3.973.680.018
Lỗ phát sinh từ việc thu hồi vốn đầu tư	5.134.856.996	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.552.709	-
TỔNG CỘNG	<u>49.453.738.423</u>	<u>28.713.310.162</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.447.112.008	-
Chi phí vận chuyển	849.762.625	-
Chi phí nhân viên	491.149.200	-
Chi phí khác	106.200.183	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.788.866.220	38.704.607.860
Chi phí nhân viên	34.639.231.301	20.549.944.705
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.493.242.377	1.124.995.173
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	419.270.210	341.732.954
Khác	18.237.122.332	16.687.935.028
TỔNG CỘNG	56.235.978.228	38.704.607.860

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	501.626.338.134	203.741.390.097
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	100.325.267.627	40.748.278.019
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(112.330.064.400)	(51.956.318.000)
Chi phí không được trừ	637.732.868	976.455.264
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	3.108.000	430.000
Lỗi tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	11.367.063.905	10.231.584.717
Chi phí thuế TNDN	3.108.000	430.000

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 125.683.487.108 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 70.482.767.154 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	(1.634.599.571)	-
2023	2028	17.690.244.000 (*)	-	-	17.690.244.000
2024	2029	51.157.923.583 (*)	-	-	51.157.923.583
2025	2030	56.835.319.525 (*)	-	-	56.835.319.525
TÓNG CỘNG		127.318.086.679	-	(1.634.599.571)	125.683.487.108

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")	Công ty con
Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")	Công ty con
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VCC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SWC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh (đến ngày 15 tháng 1 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH") Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty liên kết Công ty con (đến ngày 31 tháng 10 năm 2025) Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 10 năm 2025)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nước giải khát Nhiệt đới Sài Gòn ("STD") Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 9 năm 2025)
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT") (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025 và từ ngày 20 tháng 6 năm 2025); Thành viên HĐQT (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiểm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT (đến ngày 20 tháng 8 năm 2025)
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên HĐQT
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT (từ ngày 20 tháng 8 năm 2025)
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính (đến ngày 6 tháng 5 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính (từ ngày 6 tháng 5 năm 2025)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Cố đồng, Thành viên HĐQT tại công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2024)
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
ACC	Nhận cổ tức bằng tiền	320.985.882.000	202.767.320.000
	Cổ tức được chia	320.985.882.000	166.437.124.000
	Trả gốc vay	200.000.000.000	-
	Lãi vay đã trả	14.356.849.315	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.379.500.007	7.759.723.308
	Lãi vay	8.403.424.654	5.953.424.661
	Đi vay	-	200.000.000.000
AFI	Mua hàng hóa	253.570.688.000	-
	Đi vay	185.000.000.000	165.000.000.000
	Cổ tức được chia	117.525.000.000	39.175.000.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	117.525.000.000	39.175.000.000
	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	15.890.442.882	12.600.383.373
	Lãi vay	13.493.821.925	6.068.506.846
	Lãi vay đã trả	11.173.356.164	3.581.452.055
GCF	Tặng vốn điều lệ	214.050.000.000	-
	Cổ tức được chia	21.844.160.000	-
	Cổ tức thực nhận	21.844.160.000	-
	Mua hàng hóa	16.000.001	-
ACP	Tặng vốn điều lệ	185.030.700.000	-
	Cổ tức nhận bằng tiền	48.360.000.000	42.540.000.000
	Cổ tức được chia	36.360.000.000	27.270.000.000
	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	20.573.145.138	7.992.996.303
	Nhận gốc cho vay	15.000.000.000	-
	Nhận lãi cho vay	194.383.562	-
	Lãi cho vay	83.630.137	110.753.425
	Mua hàng hóa	46.118.311	-
Cho vay	-	15.000.000.000	
VICTA	Trả gốc vay	100.000.000.000	-
	Nhận hoàn trả vốn góp	69.982.600.000	129.967.680.000
	Cổ tức được chia	37.490.680.000	10.997.266.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	37.490.680.000	10.997.266.000
	Lãi vay đã trả	6.134.109.589	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.528.131.310	3.230.405.068
	Lãi vay	2.890.876.712	3.243.232.877
	Mua TSCĐ, công cụ dụng cụ	-	1.948.195.000
	Đi vay	-	100.000.000.000
Chi phí dịch vụ và thuê văn phòng	-	158.144.218	
AHS	Trả gốc vay	80.000.000.000	-
	Cổ tức được chia	17.439.200.000	10.899.500.000
	Nhận cổ tức bằng tiền	17.439.200.000	10.899.500.000
	Lãi vay đã trả	4.831.095.890	-
	Lãi vay	2.283.863.010	2.547.232.880
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	156.000.000	-
Đi vay	-	80.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
ASI	Cho vay	20.000.000.000	10.000.000.000
	Nhận lại gốc cho vay	5.000.000.000	-
	Lãi cho vay	927.500.002	87.020.547
	Nhận lãi cho vay	138.630.136	-
	Góp vốn	-	37.350.000.000
	Đi vay	-	25.000.000.000
	Trả gốc vay	-	25.000.000.000
	Lãi vay	-	166.136.986
	Lãi vay đã trả	-	166.136.986
APIS	Nhận cổ tức bằng tiền	10.005.400.000	5.002.700.000
	Cổ tức được chia	10.005.400.000	5.002.700.000
	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	4.549.260.031	3.163.021.902
	Mua hàng hóa	187.082.926	83.925.812
MDG	Góp vốn	-	264.600.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	239.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
ACP	Cung cấp dịch vụ	11.204.553.409	6.969.192.978
AFI	Cung cấp dịch vụ	6.649.421.582	8.615.089.546
AHS	Cung cấp dịch vụ	168.480.000	-
APIS	Cung cấp dịch vụ	10.526.389	12.416.570
ACC	Cung cấp dịch vụ	-	67.075.145
VICTA	Cung cấp dịch vụ	-	19.433.148
		18.032.981.380	15.683.207.387
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
ASI	Cho vay	25.000.000.000	10.000.000.000
ACP	Cho vay	-	15.000.000.000
		25.000.000.000	25.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i>
			<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
ASI	Lãi cho vay	875.890.413	87.020.547
ACP	Cổ tức được chia	-	12.000.000.000
ACP	Lãi cho vay	-	110.753.425
		875.890.413	12.197.773.972
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
AFI	Mua hàng hoá	71.002.481.040	-
APIS	Mua hàng hoá	-	4.939.160
		71.002.481.040	4.939.160
<i>Vay ngắn hạn</i>			
AFI	Vay	350.000.000.000	165.000.000.000
ACC	Vay	-	200.000.000.000
VICTA	Vay	-	100.000.000.000
AHS	Vay	-	80.000.000.000
		350.000.000.000	545.000.000.000
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>			
AFI	Lãi vay	4.807.520.552	2.487.054.791
ACC	Lãi vay	-	5.953.424.661
VICTA	Lãi vay	-	3.243.232.877
AHS	Lãi vay	-	2.547.232.880
		4.807.520.552	14.230.945.209

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.120.000.000	1.200.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	6.830.429.000	3.926.733.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG	8.082.429.000	5.258.733.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.006.630.452	1.006.630.452
Từ 1 đến 5 năm	4.026.521.808	4.026.521.808
Trên 5 năm	36.195.526.277	37.202.156.729
TỔNG CỘNG	<u>41.228.678.537</u>	<u>42.235.308.989</u>

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Vũ Minh Đức
 Người lập



Nguyễn Thị Ánh Ngọc
 Kế toán trưởng



Nguyễn Bảo Tùng
 Tổng Giám đốc